

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG**



GIÁO TRÌNH
DÂN SỐ PHÁT TRIỂN
Tài liệu đào tạo sơ cấp dân số y tế

Hà Nội - Năm 2011

LỜI NÓI ĐẦU

Dân số và phát triển có vai trò định hướng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, hoạt động nhằm làm thay đổi xu hướng hiện tại của dân số cho phù hợp và đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững của toàn xã hội và của từng ngành, địa phương, cơ sở. Nắm vững lý luận và thực tiễn về các chủ trương, biện pháp, quy định, hướng dẫn của chính sách dân số sẽ giúp sinh viên sau khi ra trường có đủ kiến thức và năng lực trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình. Đồng thời, có đủ năng lực tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong việc cụ thể hóa chính sách dân số của địa phương cơ sở cho phù hợp với điều kiện của ngành, địa phương và cơ sở.

Nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu đào tạo đối tượng sơ cấp Dân số - Y tế, một mã ngành mới có ở Việt Nam, chúng tôi đã tiến hành biên soạn giáo trình Dân số và phát triển làm tài liệu học tập cho đối tượng là sinh viên đạt trình độ chuyên môn sơ cấp Dân số - y tế.

Giáo trình được biên soạn theo chương trình giảng dạy sơ cấp Dân số - y tế đã được phê duyệt. Giáo trình gồm 6 bài:

Bài 1: Dân số, lao động và việc làm.

Bài 2: Dân số và phát triển kinh tế.

Bài 3: Dân số và giáo dục.

Bài 4: Dân số và y tế.

Bài 5: Dân số và bình đẳng giới, an sinh xã hội, chất lượng cuộc sống.

Bài 6: Dân số và môi trường.

Đây là giáo trình biên soạn lần đầu dành riêng cho đối tượng sơ cấp Dân số Y tế, vì vậy không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học, nhà quản lý và đông đảo bạn đọc.

Các tác giả

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Bài 1. DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM	4
I. MỐI QUAN HỆ DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM	4
1. Mối quan hệ giữa dân số và lao động	4
2. Mối quan hệ giữa dân số và việc làm	7
II. PHƯƠNG HƯỚNG GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM Ở VIỆT NAM	9
1. Mối quan hệ giữa dân số, lao động và việc làm ở Việt Nam	9
2. Phương hướng giải quyết mối quan hệ dân số, lao động và việc làm ở Việt Nam	11
Bài 2. DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ	12
I. MỐI QUAN HỆ GIỮA GIA TĂNG DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ	12
1. Gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế	12
2. Gia tăng dân số và sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế	15
3. TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH DÂN SỐ ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ	15
Bài 3. DÂN SỐ VÀ GIÁO DỤC	18
I. ẢNH HƯỞNG CỦA DÂN SỐ ĐẾN HỆ THỐNG GIÁO DỤC	18
1. Quy mô và tốc độ gia tăng dân số tác động đến phát triển giáo dục	18
2. Cơ cấu dân số theo tuổi ảnh hưởng đến phát triển giáo dục	19
3. Phân bố địa lý dân cư ảnh hưởng đến phát triển giáo dục	19
II ẢNH HƯỞNG CỦA GIÁO DỤC ĐẾN DÂN SỐ	20
1. Ảnh hưởng của giáo dục đến quá trình hôn nhân	20
2. Ảnh hưởng của giáo dục tới mức sinh	20
3. Ảnh hưởng của giáo dục đến mức chết	21
4. Ảnh hưởng của giáo dục đến di dân	22
Bài 4. DÂN SỐ VÀ Y TẾ	23
I. TÁC ĐỘNG CỦA DÂN SỐ ĐỐI VỚI HỆ THỐNG Y TẾ	23
1. Tác động của quy mô và tỷ lệ gia tăng dân số đến hệ thống y tế	23
2. Tác động của cơ cấu dân số đến hệ thống y tế	24
3. Tác động của phân bố dân cư đến hệ thống y tế	24
4. Tác động của kế hoạch hóa gia đình đến hệ thống y tế	24

II. TÁC ĐỘNG CỦA Y TẾ ĐẾN CÁC QUÁ TRÌNH DÂN SỐ	25
1. Y tế tác động tới mức sinh	25
2. Y tế tác động tới mức chết và tuổi thọ của người dân	26
Bài 5. DÂN SỐ VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI AN SINH XÃ HỘI - CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG	26
I. VẤN ĐỀ GIỚI, GIỚI TÍNH VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI	26
1. Giới và giới tính	26
2. Bình đẳng giới	28
3. Giới và phát triển	29
4. Bình đẳng giới trong mối quan hệ với dân số	29
II. Dân số và an ninh xã hội	32
III. DÂN SỐ VÀ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG	34
Bài 6. DÂN SỐ VỚI MÔI TRƯỜNG	36
1. Dân số và tài nguyên	36
2. Dân số và môi trường	42

Bài 1. DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

Mục tiêu:

1. Trình bày được mối quan hệ giữa dân số và lao động, giữa dân số và việc làm.
2. Phân tích được phương hướng giải quyết mối quan hệ dân số - lao động - việc làm ở Việt Nam giai đoạn hiện nay.

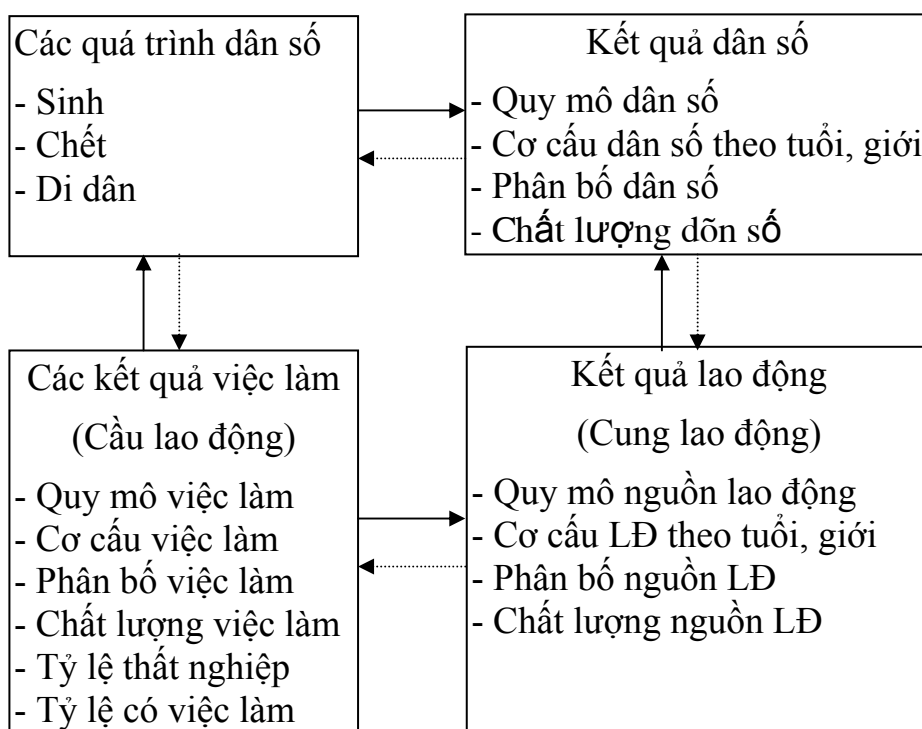
NỘI DUNG

I. MỐI QUAN HỆ DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM

1. Mối quan hệ giữa dân số và lao động

Dân số và nguồn lao động có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau. Dân số là cơ sở tự nhiên hình thành nên nguồn lao động - lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội. Nguồn lao động là bộ phận dân số trong tuổi lao động và có khả năng lao động - bộ phận dân số chủ lực và năng động nhất trong dân số, nó quyết định và chi phối toàn bộ hoạt động sản xuất của xã hội.

Mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số và lao động, việc làm có thể biểu diễn thông qua lược đồ và xem xét trên một số phương diện chủ yếu sau đây.



Sơ đồ 2.1: Mối quan hệ giữa dân số và lao động, việc làm

1.1. Ảnh hưởng của dân số đến nguồn lao động

** Quy mô, phân bố dân số và quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng nguồn lao động có mối quan hệ mật thiết với nhau.*

- Dân số học thường chia tổng dân số ra làm 3 bộ phận hợp thành cơ bản sau đây: bộ phận dân số thiếu niên (P_{0-14}), bao gồm tất cả số trẻ em tính từ lúc mới sinh ra (0 tuổi) cho đến hết tuổi 14; bộ phận dân số thành niên thường gọi là dân số trong độ tuổi lao động (P_{15-59} hoặc P_{15-64}) là tất cả những người từ tuổi 15 đến đủ tuổi 60 hoặc tuổi 65; bộ phận dân số lão niên (số người già) (P_{60+} hoặc P_{65+}), là những người từ 60 tuổi hoặc 65 tuổi trở lên, thường gọi là dân số hết khả năng lao động.

Trong điều kiện bình thường, dân số trong độ tuổi lao động (P_{15-59}) chiếm tỷ lệ cao nhất. Số tuyệt đối (quy mô) của nó không những nhiều hơn nhóm dân số trẻ (P_{0-14}) và nhóm dân số già (P_{60+}) mà trong nhiều trường hợp nó còn nhiều hơn tổng số dân của cả 2 nhóm này cộng lại.

** Cơ cấu theo tuổi và giới tính của dân số ảnh hưởng đến quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng nguồn lao động.*

- Cơ cấu theo tuổi và giới tính của dân số có ảnh hưởng nhất định đến quy mô, cơ cấu phân bố, chất lượng nguồn lao động. Một dân cư có số người trẻ dưới 15 tuổi đông và chiếm tỷ trọng cao trong dân số (thường do mức sinh cao), thông thường hàng năm số người gia nhập vào lực lượng lao động nhiều hơn so với số người già ra khỏi lực lượng lao động. Điều đó làm cho quy mô nguồn lao động không ngừng được tăng lên, cơ cấu lực lượng lao động được trẻ hóa liên tục, dòng di chuyển của lao động diễn ra nhiều và mạnh hơn, chất lượng nguồn nhân lực sẽ được cải thiện hơn so với một dân cư già, với số người già chiếm đa phần trong dân số.

** Chất lượng dân số ảnh hưởng đến quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng nguồn lao động.*

Chất lượng dân số là những thuộc tính ban đầu của dân số bao gồm tổng hoà các yếu tố thể lực, trí lực và tinh thần của con người phù hợp với quy mô, cơ cấu

dân số (tuổi, giới tính, phân bố, trình độ học vấn, nghề nghiệp...) và với trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

** Vai trò của mức sinh trong sự thay đổi nguồn lao động*

Mức sinh giữ một vị thế rất quan trọng trong sự phát triển dân số, lao động và phát triển KT - XH. Tầm quan trọng của nó được nhìn nhận trong vai trò như là yếu tố quyết định hình dáng cấu trúc tuổi, giới tính và chi phối những biến đổi trong qui mô sự phân bố, tốc độ gia tăng dân số và lao động.

** Tác động của mức chết đến nguồn lao động*

Mức chết thay đổi ảnh hưởng đáng kể đến quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố nguồn nhân lực. Tuy nhiên, tác động của mức chết đối với nguồn lao động không giống các quá trình dân số khác như sinh đẻ và di dân. Bởi vì, chết hầu như phân bố đều trong tất cả các lớp tuổi. Nhìn chung, khi mức chết tăng lên, quy mô nguồn lao động thường giảm xuống và tỷ số phụ thuộc có thể giảm theo, vì số lượng người già và trẻ em đa phần chết nhiều hơn so với số dân trong tuổi lao động. Mức chết giảm xuống, thường mức chết trẻ em và người già giảm theo, tuổi thọ trung bình dân cư tăng lên, cung lao động lão niên nhiều hơn. Mặc khác, khi mức chết, đặc biệt tỷ suất chết trẻ em giảm sẽ kéo theo sự hạ giảm của mức sinh, cung lao động trẻ tương lai giảm xuống, cơ cấu nguồn lao động già đi và chất lượng nguồn lực sẽ bị ảnh hưởng.

** Tác động của di dân đến nguồn lao động*

Mục đích và động cơ của người di dân chủ yếu là để tìm kiếm công việc làm có thu nhập cao. Vì vậy, những người di chuyển đa phần đều là dân cư trong tuổi lao động và phần đông trong số họ là nam giới khỏe mạnh có trình độ học vấn, có nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao. Do vậy, ở nơi có người đi quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng nguồn nhân lực giảm xuống, cơ cấu lao động thay đổi theo hướng giảm tỷ lệ lao động trẻ. Ngược lại, vùng nhập cư nguồn lao động sẽ được gia tăng về quy mô và cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực cũng được cải thiện hơn.